

Chương 7: Chu trình kế toán sản xuất



TS. Phạm Đức Cường
Viện Kế toán-kiểm toán
Đại học Kinh tế quốc dân

1

Chương 7: Nội dung

- ❖ Khái quát chung
- ❖ Các hoạt động thuộc chu trình sản xuất
- ❖ Kiểm soát mục tiêu, các rủi ro và các quy trình
- ❖ Tổ chức kế toán chu trình sản xuất trong điều kiện kế toán thủ công ở Việt nam.

2

cuu duong than cong. com

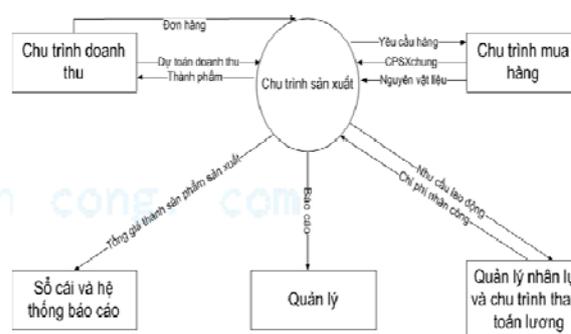
Khái quát chung về chu trình sản xuất

❖ Khái niệm:

- Chu trình sản xuất là tập hợp các hoạt động kinh doanh và các hoạt động xử lý dữ liệu khác phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm, dịch vụ.
- Chu trình sản xuất có mối quan hệ với các chu trình kinh doanh khác trong doanh nghiệp:
 - Chu trình kế toán bán hàng và doanh thu
 - Chu trình kế toán mua hàng
 - Chu trình kế toán nguồn nhân lực
 - Các chu trình khác

3

Khái quát chung về chu trình sản xuất (Context diagram)



4

Khái quát chung về chu trình sản xuất

❖ **Vai trò của AIS: Một hệ thống chính xác và đầy đủ thông tin về chi phí là rất quan trọng để ra các quyết định:**

- Cơ cấu sản phẩm (Sản xuất cái gì)
- Giá thành sản xuất
- Phân bổ các nguồn lực và kế hoạch
 - Sản xuất hay mua ngoài
 - Lợi nhuận gộp của từng sản phẩm
- Quản lý chi phí

5

Chu trình sản xuất

❖ **Quy trình:**

- Bắt đầu với yêu cầu vật tư
- Kết thúc với việc chuyển sản phẩm hoàn thành vào kho.

❖ **Các mục tiêu chính:**

- Chuyển đổi nguyên vật liệu thô sang sản phẩm hoàn thành một cách hiệu quả
- Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về quá trình sản xuất

cuu duong than cong. com

Các hoạt động thuộc chu trình sản xuất

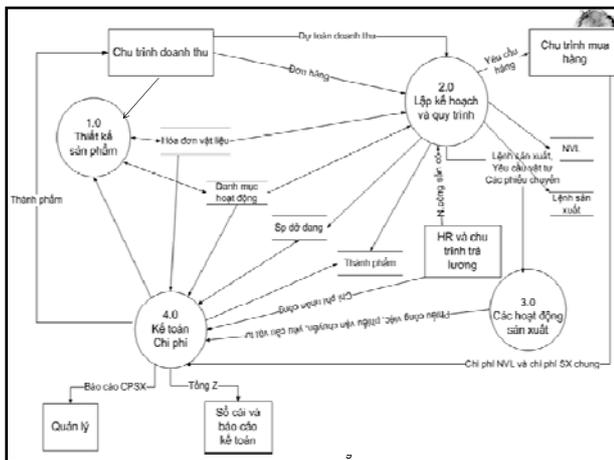
- ❖ **Thiết kế sản phẩm**
- ❖ **Lập kế hoạch và các bước thực hiện**
- ❖ **Các hoạt động sản xuất**
- ❖ **Kế toán chi phí sản xuất**

7

Các hoạt động thuộc chu trình sản xuất
(Dòng luân chuyển dữ liệu- DFD)

8

Company Logo



Các hoạt động thuộc chu trình sản xuất

❖ Vai trò của kế toán viên:

- Liên quan chủ yếu đến bước 4.0- kế toán chi phí
- Kế toán viên vẫn phải hiểu các bước khác để có thể thiết kế một hệ thống AIS nhằm trợ giúp quản lý với những thông tin cần thiết để quản lý các hoạt động thuộc chu trình sản xuất trong một doanh nghiệp sản xuất hiện đại.

10

Company Logo

cuu duong than cong. com

Thiết kế sản phẩm (bước 1.0)

❖ Mục tiêu:

- Thiết kế một sản phẩm thỏa mãn nhu cầu khách hàng về chất lượng, độ bền, công dụng với chi phí sản xuất tối thiểu.

❖ Các tài liệu và văn bản sử dụng:

- Danh mục vật liệu sử dụng:
 - Tài liệu chỉ ra số lượng các phụ tùng, mô tả các chi tiết,... sử dụng cho sản phẩm hoàn thành
- Danh mục các bước hoạt động sản xuất:
 - Tài liệu chỉ ra các bước liên tiếp cần thực hiện để chế tạo ra sản phẩm, phương tiện gì cần được dùng và thời gian cần thiết để sản xuất.

❖ Vai trò của kế toán viên đối với quá trình thiết kế sản phẩm???

11

Lập kế hoạch và thời gian (bước 2.0)

❖ Mục tiêu:

- Xây dựng một kế hoạch sản xuất hiệu quả phù hợp với các đơn hàng hiện có và dự tính được các nhu cầu ngắn hạn trong khi tối thiểu hóa chi phí hàng tồn kho (vật liệu và sản phẩm)

❖ Hệ thống lập kế hoạch sản xuất:

- Phương pháp lập kế hoạch nguồn lực sản xuất (manufacturing resource planning-MRP II)
- Phương pháp sản xuất tinh gọn (lean manufacturing)

12

Lập kế hoạch và thời gian

❖ MRP II:

- Là sự phát triển phương pháp lập kế hoạch nguyên vật liệu (MRP- chương 6)
- Phương pháp này tìm kiếm sự cân đối giữa công suất máy móc, vật liệu dự trữ để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng đã dự toán.
- Hệ thống MRP II thường được xem như “sản xuất đẩy” (push manufacturing), bởi sản phẩm được sản xuất nhằm trên cơ sở kỳ vọng (đoán) nhu cầu của khách hàng

13

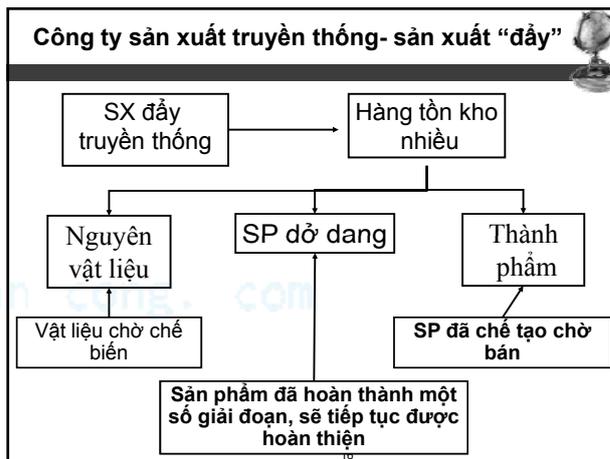
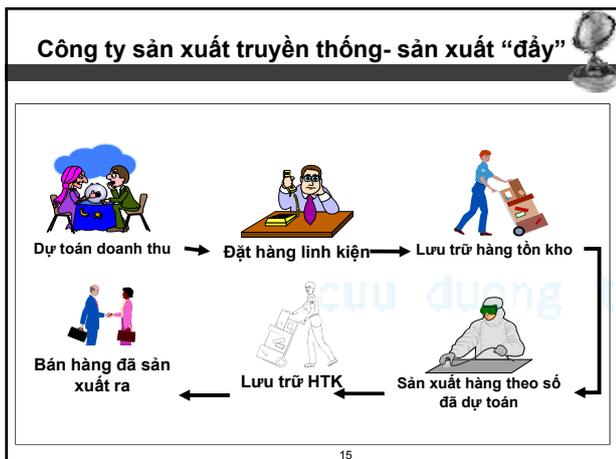
Lập kế hoạch và thời gian

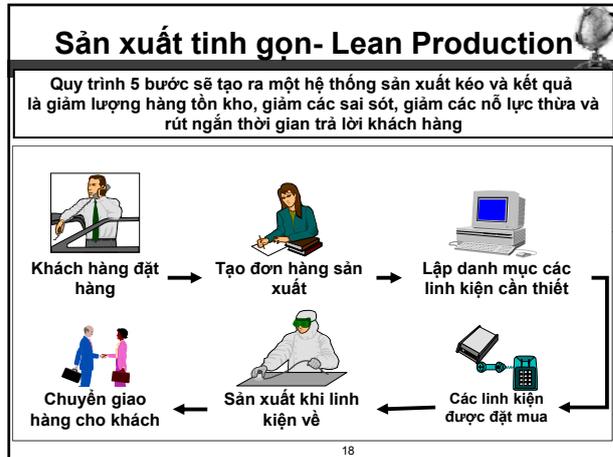
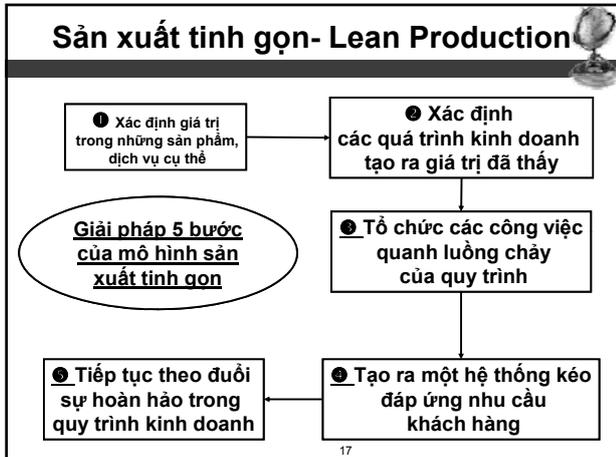
❖ Phương pháp sản xuất tinh gọn (lean production):

- Hệ thống phát triển các nguyên tắc thuộc JIT vào toàn bộ quy trình sản xuất.
- Mục tiêu của hệ thống này là tối thiểu hóa hoặc loại bỏ hàng tồn kho.
- Hệ thống này còn được gọi là “sản xuất kéo” (pull manufacturing), bởi hàng hóa được sản xuất đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Về mặt lý thuyết, theo hệ thống này quá trình sản xuất chỉ thực hiện khi có đơn hàng của khách hàng
- Trên thực tế DN áp dụng hệ thống này thường phát triển hệ thống sản xuất ngắn hạn với các kế hoạch chính xác về cung cấp yếu tố đầu vào.

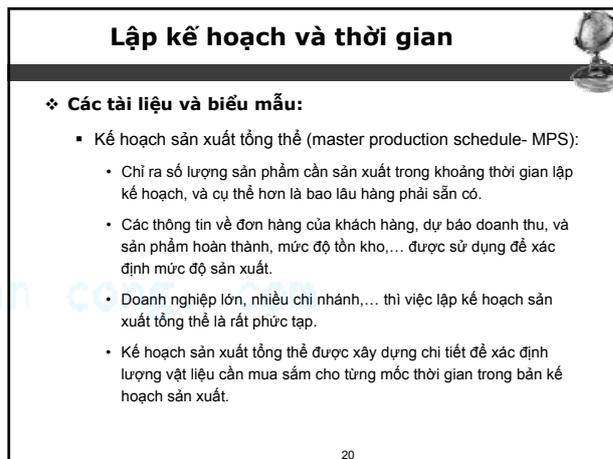
14

cuuduongthancong.com





cuu duong than cong. com



Kế hoạch sản xuất tổng thể

| MASTER PRODUCTION SCHEDULE | | | | | | | | |
|-----------------------------------|------------------|------------------|------------------|-----|-----|-----|-----|-----|
| Product Number | 120 | | Description: DVD | | | | | |
| Lead time: ^a | 1 week | | | | | | | |
| 1 week | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Quantity on hand | 500 | 350 ^b | 350 | 300 | 350 | 300 | 450 | 300 |
| Scheduled production ^c | 150 ^a | 300 | 250 | 300 | 250 | 400 | 250 | 300 |
| Forecasted sales | 300 | 300 | 300 | 250 | 300 | 250 | 400 | 250 |
| Net available | 350 ^d | 350 | 300 | 350 | 300 | 450 | 300 | 250 |

^aTime to manufacture product (1 week for DVD).
^bEnding quantity on hand (net available) from prior week.
^cCalculated by subtracting quantity on hand from sum of this week's and next week's forecasted sales, plus a 50-unit buffer stock. For example, begin week 1 with 500 units. Projected sales for weeks 1 and 2 total 600 units. Adding 50 unit desired buffer inventory yields 650 units needed by end of week 1. Subtracting beginning inventory of 500 units results in planned production of 150 units during week 1.
^dBeginning quantity on hand plus scheduled production less forecasted sales.

Các tài liệu và biểu mẫu

- o Lệnh sản xuất (production order)
 - o Tài liệu cho phép sản xuất một loại sản phẩm cụ thể
 - o Tài liệu này cũng chỉ ra số lượng, thời gian hoàn thành, nơi lưu trữ thành phẩm.

cuuduongthancong.com

Lệnh sản xuất (production order)

| Alpha Omega Engineering | | | | | | 4587 |
|-------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|------|
| PRODUCTION ORDER | | | | | | 1000 |
| Order No. | Product No. | Description: | Production Quantity | | | |
| 2289 | 4430 | Cabinet Side Panel | 1000 | | | |
| Approved by: | Release Date: | Issue Date: | Completion Date: | Deliver to: | | |
| PKS | 02/24/2006 | 02/25/2006 | 03/09/2006 | Assembly Department | | |
| Work Station No. | Product Operation No. | Quantity | Operation Description | Start Date & Time | Finish Date & Time | |
| MH25 | 100 | 1,000 | Transfer from stock | 02/28 0700 | 02/28 0800 | |
| MH15-12 | 105 | 1,000 | Cut to shape | 02/28 0800 | 02/28 1000 | |
| MH15-9 | 106 | 1,000 | Corner cut | 02/28 1030 | 02/28 1200 | |
| S28-17 | 124 | 1,000 | Turn & shape | 02/28 1300 | 02/28 1700 | |
| F54-5 | 142 | 1,001 | Finish | 03/01 0800 | 03/01 1100 | |
| P89-1 | 155 | 1,001 | Paint | 03/01 1300 | 03/02 1300 | |
| QC94 | 194 | 1,001 | Inspect | 03/02 1400 | 03/02 1600 | |
| MH25 | 101 | 1,000 | Transfer to assembly | 03/02 1600 | 03/02 1700 | |

Explanation of numbers in Quantity column:
 1. Total of 1,000 sheets of raw material used to produce 1,000 good panels and 3 rejected panels.
 2. One panel not cut to proper shape, thus only 1,002 units had operations 100 and 124 performed on them.
 3. One panel not properly turned and shaped; hence only 1,001 panels finished, painted, and received final inspection.
 4. One panel rejected during final inspection; thus only 1,000 good panels transferred to assembly department.

Các tài liệu và biểu mẫu

- o Phiếu xuất vật tư (material requisition):
 - o Tài liệu này như là một lệnh yêu cầu xuất vật tư từ kho xuống xưởng sản xuất.
 - o Tài liệu chứa đựng thông tin về lệnh sản xuất, ngày phát hành, lượng hàng cần thiết,...
 - o Theo kế toán VN, chứng từ này là giấy xin lĩnh vật tư. Sau khi được duyệt, bộ phận kế toán sẽ tiếp tục lập Phiếu xuất kho.

Lệnh xuất vật tư (material requisition)

| MATERIALS REQUISITION | | | | | No. 2345 |
|-------------------------|-----------------|---------------------------|--------------|-----------------------------------|----------|
| Issued To: Assembly | | Issue Date: 08/15/2006 | | Production Order Number: 62913 | |
| Part Number | Description | Quantity | Unit Cost \$ | Total Cost \$ | |
| 115 | Calculator Unit | 2,000 | 2.95 | 5,900.00 | |
| 135 | Lower Casing | 2,000 | .45 | 900.00 | |
| 198 | Screw | 16,000 | .02 | 320.00 | |
| 178 | Battery | 2,000 | .75 | 1,500.00 | |
| 136 | Upper Casing | 2,000 | .80 | 1,600.00 | |
| 199 | Screw | 12,000 | .02 | 240.00 | |
| Issued by: AKL | | | | 10,460.00 | |
| Received by: QWS | | | | Costed by: ZSD | |

Note: Cost information is entered when the materials requisition is turned in to the cost accounting department. Other information, except for signatures, is printed by the system when the document is prepared.

Các tài liệu và biểu mẫu

- Move ticket:
 - Sử dụng để xác nhận việc vật liệu đã chuyển và chuyển đến bộ phận nào

cuuduongthancong.com

Move ticket

| MOVE TICKET | | | | No. 8753 |
|-------------------------------|-----------|------------------------------|------|----------|
| Production Order Number: 2345 | | Date Transferred: 08/18/2006 | | |
| From: Assembly | KLS | To: Finishing | NRC | |
| Operation to Perform | Completed | Date | Time | |
| Clean | X | 08/19/2006 | 0900 | |
| Polish | | | | |
| Package | | | | |
| Comments: | | | | |

Lập kế hoạch và thời gian

- Theo dõi sự luân chuyển của tài liệu và vật liệu cho quá trình sản xuất:
 - Thủ công: Chứng từ viết bằng tay
 - Hệ thống đọc mã vạch (bar-code)
 - Gần đây: Hệ thống nhận biết tần số radio (radio frequency identification- RFID)
 - Nhanh gấp 40 lần so với hệ thống đọc mã vạch

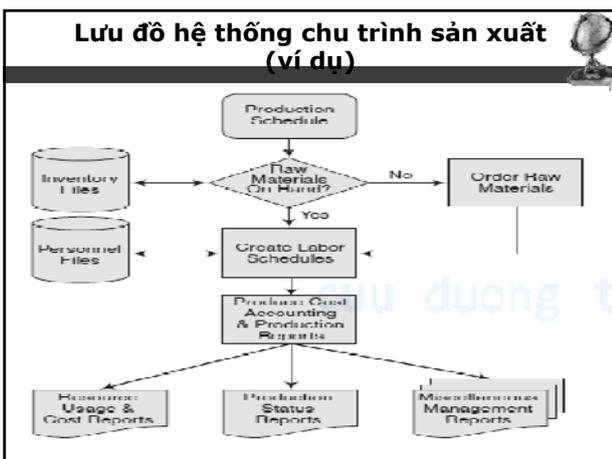
Hoạt động sản xuất (Production Operations_ bước 3.0)

- ❖ **Hoạt động sản xuất: khác nhau giữa các doanh nghiệp**
 - Do tổ chức sản xuất khác nhau
 - Sản phẩm sản xuất khác nhau
 - Mức độ tự động hóa,...
- ❖ **Sử dụng nhiều biểu mẫu IT trong quá trình sản xuất được gọi là CIM (computer-integrated manufacturing):**
 - Có thể giảm đáng kể chi phí sản xuất
- ❖ **Người kế toán viên cần hiểu được sự tác động của CIM lên AIS:**
 - Đơn hàng của khách về sản phẩm sản xuất
 - Vật tư cho sản xuất
 - Nhân công,...

29



cuu duong than cong. com



KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT (COST ACCOUNTING- 4.0)

cuu duong than cong. com

32

■ Hệ thống tài liệu kế toán được luân chuyển tùy thuộc vào hai hệ thống kế toán chi phí:

- Sản xuất theo đơn hàng (Job-order costing)
- Sản xuất chế biến liên tục (Process-costing)

33

Các hệ thống chi phí sản xuất

Sản xuất theo quá trình

Sản xuất theo đơn hàng

❖ **Một DN sản xuất một loại sản phẩm với số lượng nhiều.**

❖ **Các sản phẩm không có sự khác biệt với sản phẩm cùng nhóm.**

❖ **Chi phí cùng loại được tập hợp và phân tách cho từng sản phẩm theo mức chi phí trung bình.**

34

cuu duong than cong. com

Các hệ thống chi phí sản xuất

Sản xuất theo quá trình

Sản xuất theo đơn hàng

❖ **A company produces many units of a single**

Ví dụ:

1. DN sản xuất giấy
2. Reynolds Aluminum (DN sản xuất điện cực nhôm)
3. Coca-Cola (DN sản xuất đồ uống)

❖ **assigning the same average cost per unit.**

35

Các hệ thống chi phí sản xuất

DN sản xuất theo quá trình

Sản xuất theo đơn hàng

❖ **Nhiều loại sản phẩm được sản xuất trong một kỳ**

❖ **Các sản phẩm được sản xuất theo đơn hàng**

❖ **Chi phí phải tập hợp riêng cho từng đơn hàng**

36

Các hệ thống chi phí sản xuất

**DN sản xuất
theo quá
trình**

**Sản xuất
theo đơn
hàng**

Ví dụ:

- ❖ 1. Boeing (sản xuất máy bay)
- ❖ 2. Bechtel International (DN xây lắp)
- ❖ 3. Walt Disney Studios (DN sản xuất phim)

37

So sánh chi phí sản xuất theo đơn hàng và theo quá trình

| | Job-Order | Process |
|----------------------|-----------|--------------|
| Số lượng đơn hàng | Nhiều | Một sản phẩm |
| Chi phí tập hợp theo | Đơn hàng | SX |
| Chi phí trung bình | Đơn hàng | PX sản xuất |

38

cuu duong than cong. com

- Trình tự tập hợp chi phí
 - Theo đơn hàng (Theo công việc Job-Costing)
 - Theo quá trình (Process-Costing)

39

So sánh Xác định CP theo công việc & Xác định CP theo quá trình SX

NVL trực tiếp → **Công việc**

Nhân công trực tiếp → **Công việc**

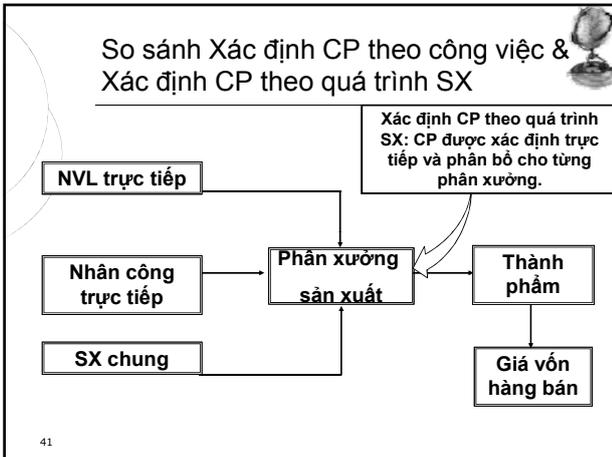
SX chung → **Công việc**

Xác định CP theo công việc: CP được tính trực tiếp và phân bổ cho từng công việc cụ thể.

Thành phẩm

Giá vốn hàng bán

40



Ví dụ: Quá trình tập hợp chi phí tại công ty **PearCo**, đơn hàng **A-143**

cuuduongthancong.com

Phiếu tập hợp chi phí theo đơn hàng

Phiếu tập hợp chi phí theo công việc PearCo Job

Tên đơn hàng A - 143 Ngày đặt hàng 3-4-09
 Xưởng sản xuất B3 Ngày hoàn thành
 Tên hàng : Wooden cargo crate Units Completed

| CPNVL tt | | CPNC tt | | CPSX chung | |
|----------|---------|---------|--------|------------|--------|
| PXK | Số tiền | Phiếu | Số giờ | Số tiền | Số giờ |
| | | | | | |

| Tổng hợp chi phí | | Số lượng hàng giao | |
|------------------|-----------------|--------------------|---------|
| CPNVL trực tiếp | CP NC trực tiếp | Ngày | Số hàng |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Tập hợp chi phí NVL trực tiếp

Phiếu xuất vật tư

Phiếu yêu cầu số: X7 - 6890 Ngày 3-4-09
 Đơn hàng số: A - 143
 Phân xưởng B3

| Loại hàng | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----------------|----------|---------|------------|
| 2 x 4, 12 feet | 12 | \$ 3,00 | \$ 36,00 |
| 1 x 6, 12 feet | 20 | 4,00 | 80,00 |
| | | | \$ 116,00 |

Người duyệt: Will E. Delet
 Ký

Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Thẻ theo dõi chi phí nhân công

Phiếu chấm No. 36 Ngày 05/03/2009
 Tên công nhân I. M. Skilled trạm 42

| Bắt đầu | Kết thúc | Số giờ làm việc | Đơn giá | Số lượng | Đơn hàng |
|-------------|----------|-----------------|-----------------|-----------------|--------------|
| 0800 | 1600 | 8,00 | \$ 11,00 | \$ 88,00 | A-143 |
| Tổng | | 8,00 | \$ 11,00 | \$ 88,00 | A-143 |

Giám sát SX C. M. Woodson

45

Phiếu tập hợp chi phí theo công việc

Phiếu tập hợp chi phí theo công việc PearCo Job

Tên đơn hàng A - 143 Ngày đặt hàng 3-4-09
 Ngày hoàn thành _____
 Xưởng sản xuất B3 Units Completed _____
 Tên hàng : Wooden cargo crate

| CPNVL tt | | CPNC tt | | CPSX chung | | | |
|-------------------------|---------------|-----------|----------|---------------------------|--------|---------|---------|
| PXK | Số tiền | Phiếu | Số giờ | Số tiền | Số giờ | Đơn giá | Số tiền |
| <u>X7-6890</u> | <u>\$ 116</u> | <u>36</u> | <u>8</u> | <u>\$ 88</u> | | | |
| Tổng hợp chi phí | | | | Số lượng hàng giao | | | |
| CPNVL trực tiếp | | | | \$ 116 | Ngày | Số hàng | Còn lại |
| CP NC trực tiếp | | | | \$ 88 | | | |
| CP sản xuất chung | | | | | | | |
| Tổng chi phí | | | | | | | |
| Chi phí đơn vị | | | | | | | |

46

cuu duong than cong. com

Phiếu tập hợp chi phí theo công việc

Phiếu tập hợp chi phí theo công việc PearCo Job

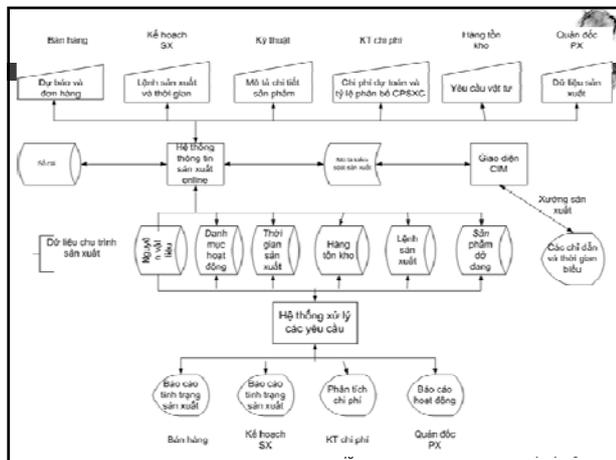
Tên đơn hàng A - 143 Ngày đặt hàng: 3-4-09
 Ngày hoàn thành _____
 Xưởng sản xuất B3 Units Completed _____
 Tên hàng : Wooden cargo crate

| CPNVL tt | | CPNC tt | | CPSX chung | | | |
|-------------------------|---------------|-----------|----------|---------------------------|----------|-------------|--------------|
| PXK | Số tiền | Phiếu | Số giờ | Số tiền | Số giờ | Đơn giá | Số tiền |
| <u>X7-6890</u> | <u>\$ 116</u> | <u>36</u> | <u>8</u> | <u>\$ 88</u> | <u>8</u> | <u>\$ 4</u> | <u>\$ 32</u> |
| Tổng hợp chi phí | | | | Số lượng hàng giao | | | |
| CPNVL trực tiếp | | | | \$ 116 | Ngày | Số hàng | Còn lại |
| CP NC trực tiếp | | | | 88 | | | |
| CP sản xuất chung | | | | \$ 32 | | | |
| Tổng chi phí | | | | \$ 236 | | | |
| Chi phí đơn vị | | | | \$ 118 | | | |

47

Quy trình xử lý thông tin bằng ERP

48



Quy trình xử lý thông tin bằng ERP online

- ❖ Bộ phận kỹ thuật chi tiết hóa sản phẩm mới với các loại vật liệu và các bước thực hiện: sử dụng dữ liệu online về sản phẩm trước kia
- ❖ Bộ phận bán hàng nhập dữ liệu về dự toán bán hàng và đơn hàng của khách hàng
- ❖ Bộ phận kế hoạch sản xuất sử dụng dữ liệu về hàng bán và mức độ hàng tồn kho để lập kế hoạch sản xuất tổng thể, nhập vào cơ sở dữ liệu
- ❖ Tại các xưởng sản xuất, danh mục các công việc thực hiện được chỉ ra. Các chỉ dẫn tương ứng được chuyển tới giao diện CIM để hướng dẫn quá trình tự động hóa và robot.
- ❖ Phiếu yêu cầu vật tư được chuyển đến kho để chuyển hàng cho sản xuất.
- ❖ Cuối cùng, dữ liệu về loại hàng sản xuất được cập nhật vào dữ liệu về sản phẩm dở dang để bắt đầu tập hợp dữ liệu chi phí

50

Company Logo

cuuduongthancong.com

Kiểm soát mục tiêu, rủi ro và quy trình

- ❖ Hệ thống thông tin kế toán (AIS) phải cung cấp sự kiểm soát các mục tiêu sản xuất:
 - Mọi hoạt động sản xuất và sử dụng TSCĐ phải được trao quyền
 - Phải bảo vệ được sản phẩm đang chế tạo và tài sản cố định
 - Phải ghi nhận được mọi nghiệp vụ liên quan đến quá trình sản xuất và phải chính xác
 - Mọi ghi nhận chính xác về quá trình sản xuất phải được duy trì và bảo vệ khỏi mất mát
 - Các hoạt động sản xuất được thực hiện một cách hiệu quả.

51

Kiểm soát mục tiêu, rủi ro và quy trình

- ❖ Các rủi ro:
 - Thiết kế sản phẩm với ý tưởng nghèo nàn
 - Sản xuất quá nhiều/quá ít
 - Đầu tư nhiều vào tài sản cố định
 - Mất máy móc thiết bị hoặc hàng tồn kho
 - Ngừng sản xuất
 - Dữ liệu về chi phí không chính xác
 - Mất, bị thay thế hoặc sự truy cập thông tin bất hợp pháp
 - Hoạt động kém hiệu quả

52

Tổ chức kế toán chu trình sản xuất trong điều kiện kế toán thủ công ở Việt nam.

53

CÁC KHÁI NIỆM

Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm

| | | | |
|---|--|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| Chi phí về lao động sống (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT và KPCĐ) | Chi phí về tư liệu lao động (khấu hao TSCĐ, giá trị C/CDC phân bổ) | Chi phí về đối tượng lao động (nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực) | Chi phí khác đã chi hoặc sẽ chi |

54

cuuduongthancong.com

CÁC KHÁI NIỆM

Kết quả của quá trình sản xuất

| | | |
|---|--|--|
| 1 | 2 | 3 |
| Thành phẩm: Là sản phẩm đã được chế tạo xong ở giai đoạn chế biến cuối cùng của quy trình công nghệ trong doanh nghiệp, được kiểm nghiệm đủ tiêu chuẩn nhập kho. | Sản phẩm dở dang và nửa thành phẩm: là sản phẩm đã và đang được chế tạo ở một số giai đoạn công nghệ (trừ giai đoạn cuối cùng). | Dịch vụ cung cấp cho khách hàng: Là các sản phẩm không mang tính vật chất mà doanh nghiệp tạo ra và cung cấp cho khách hàng (không nhập kho). |

55

NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

- Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất
- Lựa chọn phương pháp kế toán chi phí sản xuất
- Tổ chức kế toán ban đầu
- Tổ chức kế toán chi tiết CPSX
- Tổ chức kế toán tổng hợp

56

XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

Khái niệm: là giới hạn và phạm vi mà tại đó các chi phí được tập hợp, kết chuyển.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

- Nơi sản xuất sản phẩm
- Kết quả sản xuất sau dây chuyền công nghệ
- Các bước trong quy trình công nghệ sản xuất

57

LỰA CHỌN PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

Khái niệm: Là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp mang tính nghiệp vụ kỹ thuật mà đơn vị hạch toán cơ sở áp dụng để tập hợp và kết chuyển chi phí cho từng đối tượng hạch toán đã xác định

Hệ thống phương pháp HTKT

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo nơi PS chi phí
- Tập hợp chi phí theo sản phẩm hoặc theo nhóm các loại sản phẩm
- Hạch toán chi phí sản xuất theo giai đoạn công nghệ sản xuất
- Phương pháp liên hợp sử dụng trong tổ chức HTKT chi phí sản xuất

58

cuu duong than cong. com

LỰA CHỌN PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT

Chú ý:

Căn cứ để lựa chọn đối tượng tập hợp CPSX và phương pháp tập hợp CPSX: Quy mô của DN, cách thức tổ chức sản xuất, trình độ quản lý, trình độ kế toán, trang thiết bị vật chất trong DN

Khi lựa chọn phương pháp HTKT chi phí sản xuất phải nhất thiết dựa trên cơ sở xác định các đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, các phương pháp kế toán chi phí sản xuất phải phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ mà đơn vị đang áp dụng

59

TỔ CHỨC KẾ TOÁN BAN ĐẦU

Các chứng từ kế toán sử dụng:

| |
|---|
| Chứng từ phản ánh chi phí lao động: bảng phân bổ tiền lương và BHXH |
| Chứng từ phản ánh chi phí vật tư: bảng phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ; bảng phân bổ chi phí phân bổ dần CCDC; bảng kê hóa đơn, chứng từ mua vật liệu, CCDC không nhập kho mà sử dụng ngay cho sản xuất. |
| Chứng từ phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ: bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ. |
| Chứng từ phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài như hóa đơn mua hàng, chứng từ chi mua dịch vụ. |
| Chứng từ phản ánh các khoản thuế, phí, lệ phí doanh nghiệp phải nộp, đã nộp. |
| Chứng từ phản ánh các khoản chi, phí bằng tiền khác |

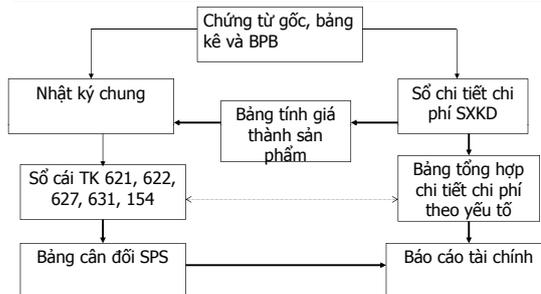
TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI TIẾT CPSX

- ❖ Để theo dõi chi tiết chi phí, kế toán sử dụng sổ chi tiết mở cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631. Mỗi tài khoản mở một sổ riêng.
- ❖ Các tài khoản này lại tiếp tục được mở chi tiết theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã được lựa chọn trong doanh nghiệp như theo phân xưởng sản xuất, theo sản phẩm làm ra, theo giai đoạn công nghệ, theo đơn đặt hàng,...
- ❖ Cơ sở để ghi các sổ chi tiết 621, 622, 623, 627 là các chứng từ chi phí liên quan. Cuối kỳ cộng các sổ chi tiết này để chuyển số liệu vào sổ chi tiết 154 hoặc 631 mở chi tiết tương ứng.
- ❖ Cuối kỳ cộng sổ chi tiết 154 hoặc 631 lấy số liệu lập bảng tổng hợp chi tiết CPSX theo yếu tố và bảng tính giá thành sản phẩm
- ❖ Mẫu số S36_DN

61

TỔ CHỨC KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

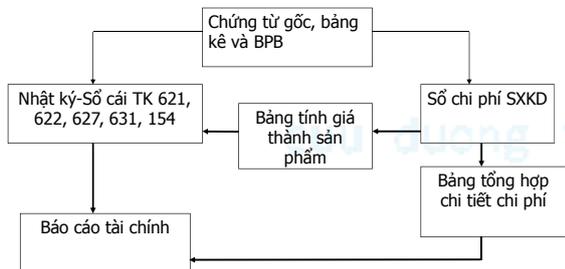


62

cuuduongthancong.com

TỔ CHỨC KẾ TOÁN TỔNG HỢP

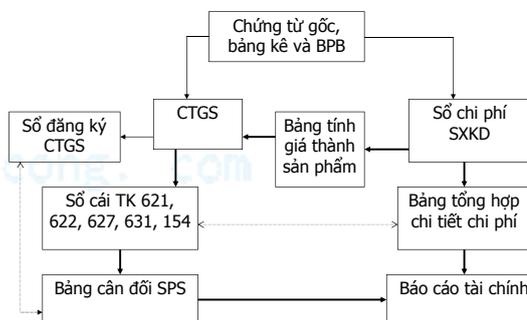
Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - Sổ cái



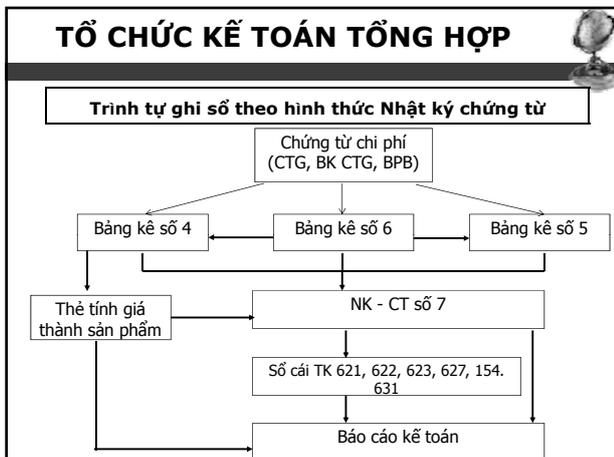
63

TỔ CHỨC KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ



64



- ### TỔ CHỨC KẾ TOÁN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ
- Xác định đối tượng tính giá thành
 - Đánh giá sản phẩm dở dang
 - Xây dựng phương pháp tính giá thành sản phẩm, dịch vụ
 - Tổ chức tính giá thành sản phẩm hoàn thành
- 66

cuuduongthancong.com

ĐỐI TƯỢNG TÍNH GIÁ THÀNH KỶ TÍNH GT

Khái niệm

Là sản phẩm, bán thành phẩm, công việc lao vụ, dịch vụ mà doanh nghiệp cần thiết phải tính giá thành sản phẩm một đơn vị

Là sản phẩm cuối cùng của quy trình công nghệ hoặc các bán thành phẩm đang được sản xuất trên dây chuyền, có thể là một bộ phận, chi tiết cấu thành nên sản phẩm cuối cùng.

Lựa chọn kỳ tính giá thành- là khoảng thời gian mà kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm. Kỳ tính giá thành phụ thuộc vào đối tượng tính giá thành, phụ thuộc vào chu kỳ sản xuất kinh doanh của mỗi loại sản phẩm, dịch vụ, công trình xây dựng cơ bản.

Căn cứ để xác định đối tượng tính giá thành và kỳ tính GT:

Mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, vào yêu cầu và trình độ quản lý, vào cơ sở trang thiết bị kỹ thuật, vào trình độ kế toán. Thông thường đối tượng tính giá cũng là đối tượng lập giá bán theo mục tiêu bán ra.

Tùy thuộc vào mục tiêu kinh doanh nội bộ hay mục tiêu cung cấp thông tin cho bên ngoài.

67

ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM DỒ DANG

Kiểm kê số lượng sản phẩm hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang.

Lựa chọn phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.
- Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.
- Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí vật liệu chính.
- Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí trực tiếp nguyên vật liệu hoặc chi phí trực tiếp
- Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí kế hoạch hoặc định mức

Căn cứ lựa chọn: Dựa vào mức độ dở dang của sp trên dây chuyền SX; vào tỷ trọng của từng loại CP trong giá thành SP; khả năng và trình độ kế toán.

68

XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM HOÀN THÀNH

Căn cứ để xây dựng hệ thống phương pháp tính giá thành:

| | | |
|--|----------------------------------|---------------------------------|
| 1. Mức độ trùng hợp giữa đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng cần thiết phải tính giá thành. | 2. Khả năng và trình độ kế toán. | 3. Yêu cầu hạch toán kinh doanh |
|--|----------------------------------|---------------------------------|

69

XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM HOÀN THÀNH

Phương pháp tính giá thành:

Phương pháp giản đơn (pp trực tiếp)

Phương pháp hệ số;

Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp tổng cộng chi phí (giai đoạn hoặc chi tiết sản phẩm).

Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ.

Phương pháp kết hợp.

=> Tuỳ theo loại hình kinh doanh mà tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương án giản đơn, phân bước, định mức, đơn đặt hàng...

70

cuuduongthancong.com

TỔ CHỨC TÍNH GIÁ THÀNH SP HOÀN THÀNH

Công việc cụ thể:

Tổng hợp chi phí sản xuất liên quan tới đối tượng tính giá thành

Kiểm kê trị giá DDCK.

Tính giá thành cho sản phẩm theo phương pháp lựa chọn.

Lập bảng tính giá thành sản phẩm theo kết cấu phù hợp với yêu cầu quản lý và phương pháp tính giá

71

TỔ CHỨC TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM HOÀN THÀNH**Mẫu 1: THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO KHOẢN MỤC**

Đối tượng tính giá thành: (sản phẩm, dịch vụ, đơn hàng...)

Sản lượng tính giá thành:

Kỳ tính:

| Chi tiêu | Chi phí | Tổng số (đơn vị) | Chi tiết mục phí | | | |
|-----------------------------|---------|---------------------|------------------|------|--------|-------|
| | | | CPNVL | CPNC | CP máy | CPSXC |
| I. Chi phí dở dang đầu kỳ | | | | | | |
| II. Chi phí sản xuất kỳ B/C | | | | | | |
| III. Tổng chi phí sản xuất | | | | | | |
| IV. Chi phí DDCK | | | | | | |
| V. Tổng giá thành sản phẩm | | | | | | |
| VI. Giá thành đơn vị | | | | | | |

72